

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ IV		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (13 Công ty)	Năm nay (15 Công ty)	Năm trước (13 Công ty)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		428,191,495,468	1,065,660,792,088	2,174,912,394,228	3,003,851,830,774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3,079,599,624	3,651,146,365	4,258,053,925	15,929,215,277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	425,111,895,844	1,062,009,645,723	2,170,654,340,303	2,987,922,615,497
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	350,453,778,271	993,072,220,425	1,827,746,155,410	2,628,537,052,769
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74,658,117,573	68,937,425,298	342,908,184,893	359,385,562,727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	1,641,138,976	99,330,485,976	10,098,857,561	119,858,638,390
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	52,661,087,674	98,934,900,075	232,212,431,931	299,681,645,169
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53,976,383,255	81,127,638,733	228,054,982,936	245,393,011,170
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	6,414,631,760	7,611,313,993	19,537,888,708	28,257,127,213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	21,548,352,400	31,197,578,689	85,038,743,797	104,703,388,810
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4,324,815,285)	30,524,118,517	16,217,978,017	46,602,039,925
11. Thu nhập khác	31	VI.25	5,920,192,934	27,077,223,178	26,711,783,879	33,487,399,691
12. Chi phí khác	32	VI.26	5,154,313,608	28,001,603,600	23,601,928,685	32,678,963,203
13. Lợi nhuận khác	40		765,879,326	(924,380,422)	3,109,855,194	808,436,488
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(494,935,369)	(596,518,831)	(4,122,441,143)	(958,029,248)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4,053,871,328)	29,003,219,264	15,205,392,069	46,452,447,165
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		368,395,689	3,265,198,860	3,724,449,748	5,619,376,886
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	7,804,044	(792,755,303)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4,422,267,017)	25,738,020,404	11,473,138,277	41,625,825,582
17. Lợi ích của cổ đông thiểu số			237,792,320	(1,843,703,817)	(520,746,768)	(65,744,672)
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			(4,660,059,337)	27,581,724,221	11,993,885,044	41,691,570,254
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.27	(132)	883	351	1,334

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lễ

Vũ Trường Thành

